

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2022
“V/v: *Kiện ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường
Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Lê Ngọc Tuân và bà Trần Thị Thúy
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E:* Ông Phạm Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Ea D, huyện E, Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn Ea D, huyện E, Đắk Lắk. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T chung sống với nhau vào 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ea D, huyện E, Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hay cãi nhau, anh T thường xuyên đi làm xa, không lo chăm sóc vợ con, hiện chị H không còn tình cảm với anh T nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Sơn C, sinh ngày 13/4/2004; Cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/6/2005. Nếu ly hôn thì chị Hạng yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Nguyễn Thị Sơn C và cháu Nguyễn Trường S trình bày là đều có nguyện vọng được ở với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Sơn C, sinh ngày 13/4/2004; cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/6/2005 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Hiện tại chị H không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ea D, huyện E, Đắk Lắk trên cơ sở tự

nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua trình bày của chị H, cũng như xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh T sinh sống, đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T thường xảy ra mâu thuẫn và kéo dài, khi xảy ra mâu thuẫn không báo với chính quyền địa phương nên không biết rõ nguyên nhân. Hiện anh T đang đi làm xa, lâu lâu mới có mặt tại địa phương. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau. Vì vậy, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi các con chung. Hiện anh T đã đi làm ở xa, chị H là người đang trực tiếp nuôi các con chung, ý kiến của cháu Nguyễn Thị Sơn C và cháu Nguyễn Trường S trình bày là có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, cần giao cháu con chung cho chị H chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

- Về con chung: Giao Nguyễn Thị Sơn C, sinh ngày 13/4/2004 và cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 05/6/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương

sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0010943 ngày 31/3/2022.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND TT Ea D (Số 66/2004)
- Lưu hồ sơ, VT.

Đỗ Xuân Cường